

Chiến tranh Đông Dương (1945 - 1954) qua một số công trình của người Pháp : / Hoàng Văn Tuấn ; Nghd. : GS. Vũ Dương Ninh . - H. : ĐHKHXH & NV, 2009 . - 115 tr. + CD-ROM + Tóm tắt

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam mà người nước ngoài thường gọi là chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954) là một cuộc chiến kéo dài, ác liệt, chịu tác động và có ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai. Chiến tranh Đông Dương không chỉ là cuộc xung đột của hai bên tham chiến trực tiếp trên chiến trường mà đã trở thành cuộc đối đầu giữa hai thế lực phản ánh một phần tương quan lực lượng của hai hệ thống xã hội đối lập, “hai cực” trong trật tự thế giới được xác lập sau đại chiến. Cuộc chiến đã kết thúc cách nay hơn nửa thế kỉ, nhưng vẫn để lại những dư âm, vẫn được nhắc đến như một thắng lợi vĩ đại của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở nửa sau của thế kỉ XX.

Chiến thắng của nhân dân Việt Nam (và nhân dân Đông Dương) đối với chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược (có sự giúp sức của đế quốc Mỹ) để lại nhiều bài học quý báu cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Về phía bên kia, những người Pháp nghĩ gì, họ đánh giá như thế nào về cuộc chiến tranh của nước Pháp ở Đông Dương? Đã có không ít công trình nghiên cứu của các học giả, các nhà nghiên cứu và nhiều người Pháp từng tham gia chiến đấu ở Đông Dương. Họ sưu tầm và khai thác nhiều nguồn tài liệu, phân tích, đánh giá từ nhiều quan điểm khác nhau, cung cấp cho người đọc nhiều thông tin và cách nhìn từ phía bên kia về cuộc chiến.

Với mong muốn tìm hiểu một cách toàn diện về cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954), tôi đã lựa chọn đề tài **“Chiến tranh Đông Dương (1945-1954) qua một số công trình của người Pháp”** làm đề tài luận văn cao học chuyên ngành Lịch sử thế giới.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trên thế giới viết về cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954), nhiều cuộc hội thảo ở trong và ngoài nước có chủ đề liên quan đến vấn đề này. Các công trình này đã đề cập một cách khá đầy đủ các khía cạnh của cuộc chiến.

Về phía người Pháp, nhà sử học Ph.Devillers đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, sưu tầm các tài liệu để xác định nguyên nhân thực sự của cuộc chiến tranh Đông Dương. Tác phẩm **“Paris - Sài Gòn - Hà Nội”** dựa trên nhiều nguồn tư liệu phong phú, nhất là những tư liệu mật lần đầu tiên được công bố ở Pháp năm 1987, đã chỉ ra nguyên nhân thực sự của cuộc chiến không phải do ngẫu nhiên, mà do tội lỗi, do sự “vụng về” hoặc “tính toán sai lầm” của giới chính trị và quân sự cao cấp của Pháp. Đồng thời, qua đây tác giả cũng đi tới kết luận về tính chất của cuộc chiến tranh Đông Dương thực tế là một cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.

Cuốn kỷ yếu Hội thảo **“Général De Gaulle et L’Indochine 1940-1946”** (Tướng De Gaulle và Đông Dương 1940-1946) tập hợp nhiều bài viết liên quan đến mối quan hệ Việt - Pháp trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai cho tới đầu năm 1946. Các bài viết phần nào chỉ ra những quan điểm, đường lối của nước Pháp trong vấn đề Đông Dương dưới thời De Gaulle. Qua đó cũng cho thấy quá trình chuẩn bị và bước đầu quay trở lại xâm lược Đông Dương của quân đội Pháp.

Cuốn **“Sự mù quáng của tướng De Gaulle đối với cuộc chiến tranh Đông Dương”** của tác giả P.Quatrepoint góp phần làm sáng tỏ quan điểm sai lầm của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Trong tác phẩm **“Câu chuyện về một nền hoà bình bị bỏ lỡ”** tác giả Sainteny đã kể lại nhiều sự kiện về mối quan hệ Pháp - Việt trong thời gian từ chiến tranh thế giới thứ hai đến khi cuộc xung đột nổ ra trên toàn Đông Dương. Là một nhân vật cao cấp của Pháp trong tiến trình dẫn tới cuộc chiến, Sainteny không tránh khỏi những nhận định thiếu khách quan, thậm chí xuyên tạc sự thật, song dấu sao cũng là một tài liệu tham khảo cần quan tâm.

Tướng Navarre, Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương (1953-1954), đã cho xuất bản 2 tác phẩm: **“Đông Dương hấp hối”** và **“Thời điểm của những sự thật”**. Mặc dù viết ra với mục đích chủ yếu nhằm biện hộ trách nhiệm và những thất bại của quân Pháp ở Điện Biên Phủ, nhưng đã cung

cấp cho người đọc nhiều tư liệu, cách đánh giá tình hình, những khó khăn và sự bất đồng trong chính giới Pháp về vấn đề Đông Dương. Qua đó, Navarre đưa ra ý kiến về nguyên nhân thất bại của Pháp. Những nội dung này cũng được đề cập trong cuốn “*Tướng Navarre với trận Điện Biên Phủ*” của Jean Pouget - sĩ quan tùy tùng của Tổng chỉ huy Navarre ở Đông Dương.

Cuốn “*Cao-Bang la tragique épopée de la colonne Le Page*” (Cao Bằng - Sự nghiệp bi thảm của đại tá Le Page) của Marcel Le Page và cuốn hồi ký “*Con đường tử địa RC4-1950*” của Charles Henri De Pirey là hai tác phẩm có giá trị viết về những trận chiến diễn ra ở khu vực biên giới đông bắc Việt Nam. Là những người trực tiếp tham gia chỉ huy chiến đấu, các tác giả đã thuật lại một cách khá chi tiết và sinh động nhiều trận đánh trên đường số 4, nhất là những trận ác liệt ở vùng núi Cốc Xá trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950; nêu lên những nhận định, đánh giá của họ về đối thủ, những suy ngẫm về thất bại của quân Pháp ở Biên giới Đông Bắc, về ý nghĩa và ảnh hưởng của sự kiện này đối với toàn bộ cuộc chiến tranh Đông Dương.

André Teulier trong cuốn “*L’Indochine - Guerres et paix*” (Đông Dương - Chiến tranh và hoà bình) dành phần đầu thuật lại sự cai trị của Pháp ở Đông Dương, sự xâm nhập của phát xít Nhật vào Đông Dương, việc giành chính quyền của nhân dân Việt Nam, mối quan hệ Việt Nam - Pháp giai đoạn 1945-1946, về cuộc chiến tranh Việt - Pháp (1946-1954) đặt trong bối cảnh hai cực “giữa Đông và Tây”.

Tác giả Gilles Fériet đã dành phần I cuốn “*Les trois guerres d’Indochine*” (Ba cuộc chiến tranh Đông Dương) viết về cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp (1945-1954). Trong 63 trang sách, tác giả đã trình bày một cách ngắn gọn về lịch sử nền thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương từ năm 1858, sự thất bại của Pháp trong chiến tranh thế giới thứ hai, sự quay trở lại Đông Dương của quân đội Pháp, diễn biến của chiến tranh và sự ra đi của Pháp để nhường chỗ cho đế quốc Mỹ nhảy vào Đông Dương năm 1956.

Một tác phẩm không thể không nhắc tới là cuốn sách của Françoise Joyaux “*Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất*”. Với nguồn tư liệu phong phú, tác giả đã thuật lại khá chi tiết, đưa ra những đánh giá sắc sảo về những mối liên hệ chằng chéo giữa các bên tham chiến (Pháp - Việt Nam) với những “đồng minh” của mỗi bên, nhất là với các nước lớn. Người đọc có thể nhận thấy tính chất phức tạp, tính quốc tế hoá ngày càng bộc lộ rõ trong cuộc chiến tranh Đông Dương, nhất là trong cuộc đấu tranh ngoại giao ở Genève để đi tới chấm dứt cuộc chiến này.

Ngoài các công trình nêu trên, còn có thể kể tới các tác phẩm: “*Đông Dương nền thực dân nước đôi*” của P.Brocheux và D.Hémery, “*La guerre en Indochine 1945-1954*” (Chiến tranh Đông Dương 1945-1954) của G.Pleury,... và nhiều cuốn sách khác.

Một số học giả người nước ngoài (không phải người Pháp) cũng có các công trình viết về cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954). Có thể kể tới cuốn “*Cuộc chiến dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam (1950-1975)*” của C.G. Herring, cuốn “*Tại sao Việt Nam?*” của L.A. Patti, “*Điện Biên Phủ cuộc đối đầu mà nước Mỹ muốn quên đi*” của R.Simpson, “*Điện Biên Phủ một góc địa ngục*” của B.Fall, cuốn “*Nước Mỹ và Đông Dương từ Roosevelt đến Nixon*” của P.A.Poole. Trong khuôn khổ của luận văn, chúng tôi khai thác các cuốn sách này để làm rõ hơn cách nhìn nhận của thế giới đối với người Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

Về phía Việt Nam, trước hết phải kể đến những nghị quyết của Đảng, những bài nói và viết, những cuốn sách của các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn,... và nhiều nhà chỉ huy quân sự. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954).

Cuốn “*Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*” trình bày một cách khá đầy đủ, chi tiết về cuộc chiến, từ nguyên nhân, tính chất, diễn biến và những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo của Đảng đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Với nguồn tư liệu phong phú, cuốn sách đã cung cấp cho người đọc cái nhìn toàn diện về cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương giai đoạn 1945-1954.

Tác phẩm “*Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*” là một bản tổng kết sâu sắc về sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng Tư lệnh đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Tác phẩm rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, đồng thời cũng thẳng thắn thừa nhận một số thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến.

Tác giả Trần Trọng Trung có nhiều bài viết, nhiều công trình nghiên cứu về cuộc chiến Đông Dương, trong đó phải kể đến tác phẩm *“Lịch sử một cuộc chiến tranh bất thú”*. Với nhiều tài liệu phong phú, nhiều trích dẫn từ các sách báo nước ngoài, tác giả đã phân tích, trình bày về các hoạt động của thực dân Pháp ở Đông Dương từ khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ; Phác họa quá trình trở lại xâm lược Đông Dương của Pháp và diễn biến các trận đánh tiêu biểu, chỉ ra những nguyên nhân thất bại của thực dân Pháp.

Các tác giả Lưu Văn Lợi - Nguyễn Hồng Thạch trong cuốn *“Pháp tái chiếm Đông Dương và chiến tranh lạnh”* tiếp cận cuộc chiến tranh Đông Dương trong bối cảnh chiến tranh lạnh. Cuốn sách đã chỉ ra quá trình Pháp quay trở lại Đông Dương và đế quốc Mỹ dính líu vào cuộc chiến, tính chất quốc tế của cuộc chiến, những ảnh hưởng của chiến tranh lạnh đối với Đông Dương. Chín bản phụ lục về các hiệp định, hiệp ước giữa Pháp và các nước Đông Dương, tuyên bố của Tổng thống Mỹ và phái đoàn Mỹ ở Genève, Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO)... là những nguồn tư liệu tham khảo có giá trị.

Tác giả Nguyễn Đình Bin chủ biên công trình nghiên cứu *“Ngoại giao Việt Nam 1945-2000”* dành hai chương đầu để phân tích cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong lĩnh vực nghiên cứu về mặt trận ngoại giao trong kháng chiến chống Pháp còn phải kể tới cuốn *“Ngoại giao Việt Nam 1945-1995”* của nhà ngoại giao Lưu Văn Lợi.

Ngoài ra, còn có rất nhiều bài nghiên cứu của nhiều tác giả viết về các khía cạnh của cuộc chiến.

Nhiều bài viết, các tham luận trong các hội thảo về cuộc chiến tranh Đông Dương, về chiến thắng Điện Biên Phủ được tập hợp trong hai cuốn *“Điện Biên Phủ hợp tuyến công trình khoa học”* và *“Điện Biên Phủ dưới góc nhìn của các nhà khoa học Việt - Pháp”*.

Trong luận văn này, những tài liệu trên được sử dụng như những đối chứng làm rõ đúng sai trong quan điểm của người Pháp như đề tài của luận văn đã xác định.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu

- Mục đích của luận văn: Thực hiện đề tài luận văn, tác giả mong muốn tìm hiểu sâu hơn về cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954), qua đánh giá của những người Pháp về cuộc chiến tranh này. Cách nhìn nhận của họ, tuy có nhiều điểm không phù hợp nhưng cũng là nguồn tài liệu nên khai thác để thấy được những khía cạnh của cuộc chiến.

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn: Là các công trình của người Pháp viết về chiến tranh Đông Dương và cuộc chiến đấu của nhân dân Đông Dương chống Pháp, bảo vệ nền độc lập.

- Phạm vi nghiên cứu:

Về mặt thời gian, chủ yếu tập trung vào thời kỳ diễn ra cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954), song có mở rộng từ đầu những năm 1940 để thấy được mưu đồ và quá trình chuẩn bị tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp, đồng thời kéo dài đến đầu những năm 1960 để thấy được những tác động của cuộc chiến đối với sự tan rã hệ thống thuộc địa của Pháp.

Về mặt không gian, là chiến trường Đông Dương, luận văn tập trung vào chiến trường Việt Nam, nơi diễn ra những sự kiện chủ yếu trong cuộc chiến tranh. Ngoài ra, ở đôi chỗ giới hạn không gian được mở rộng để thấy được những mối quan hệ quốc tế phức tạp ảnh hưởng đến diễn biến và kết cục của cuộc chiến.

- Nội dung nghiên cứu: Luận văn phân tích cách nhìn nhận, đánh giá của các nhà nghiên cứu Pháp về các vấn đề nguồn gốc, diễn biến, kết quả và tác động của cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954) qua đó có sự phê phán theo quan điểm của Việt Nam.

4. Nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu chính là các công trình nghiên cứu của các tác giả người Pháp (chủ yếu là các công trình đã được dịch sang tiếng Việt), bao gồm các cuốn sách, các bài báo, các tham luận tại các hội thảo về cuộc chiến tranh Đông Dương. Ngoài ra còn tham khảo một số công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài có đề cập đến các khía cạnh của cuộc chiến trên bình diện quốc tế.

Nguồn tài liệu của Việt Nam cũng có ý nghĩa quan trọng góp phần định hướng, đối chiếu để thấy được những điểm khác biệt trong cách nhìn của hai bên về cuộc chiến.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu sử dụng để thực hiện luận văn là thông qua các công trình của các tác giả người Pháp viết về chiến tranh Đông Dương (đã được công bố, chủ yếu là các công trình đã được dịch sang tiếng Việt) để thấy được những quan điểm nhận định, đánh giá của họ đối với các vấn đề liên

quan đến cuộc chiến tranh Đông Dương. Dựa trên quan điểm duy vật lịch sử và đường lối cách mạng của Đảng, đồng thời sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu tư liệu để luận văn có sự phê phán và đưa ra ý kiến của tác giả về các vấn đề được bàn tới.

6. Đóng góp của luận văn

- Góp phần nghiên cứu cuộc chiến tranh Đông Dương thông qua việc khai thác tài liệu và phân tích quan điểm đánh giá của những người ở phía bên kia về cuộc chiến.

- Luận văn có thể được sử dụng làm một tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Về nguyên nhân bùng nổ chiến tranh: trình bày những quan điểm của người Pháp về tình hình Đông Dương trong thời gian chiến tranh thế giới thứ 2 và quá trình chuẩn bị trở lại xâm lược Đông Dương của Pháp.

Chương 2. Về quá trình diễn biến của chiến tranh: Nêu lên cách nhìn nhận của người Pháp về những diễn biến chủ yếu của cuộc chiến.

Chương 3. Về quan hệ quốc tế của Pháp và sự kết thúc chiến tranh: Trình bày những nhận định của người Pháp về các vấn đề liên quan đến sự quốc tế hoá chiến tranh Đông Dương, những mối quan hệ giữa các bên tham chiến với các nước lớn trên thế giới, về giải pháp kết thúc chiến tranh cũng như những đánh giá về tác động của cuộc chiến đối với nước Pháp.

NỘI DUNG

Chương 1. VỀ NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CHIẾN TRANH

1.1. Nước Pháp và mục tiêu tái chiếm Đông Dương

1.1.1. Đông Dương dưới ách thống trị Nhật - Pháp

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, phát xít Đức nổ súng xâm lược Ba Lan, mở đầu cho chiến tranh thế giới thứ hai. Sau khi chiếm đóng Ba Lan, Bỉ, Luxembourg, phát xít Đức tấn công Pháp. Ngày 4 tháng 6 năm 1940, Paris thất thủ. Ngày 22 tháng 6 năm 1940, Pháp đầu hàng Đức. Đức chiếm đóng miền bắc nước Pháp. Ở miền nam, một chính quyền thân Đức được dựng lên, do Pétain cầm đầu, đóng trụ sở tại Vichy. Chỉ có một bộ phận nhỏ do De Gaulle chỉ huy chạy ra nước ngoài tổ chức lực lượng, mua sắm vũ khí, tiếp tục chống phát xít Đức.

Lợi dụng sự thất bại của Pháp ở châu Âu, phát xít Nhật từng bước nhảy vào xâm lược Đông Dương. Chính quyền thực dân Pháp từng bước nhân nhượng Nhật, nhằm giữ được quyền lợi của Pháp ở Đông Dương. Phát xít Nhật - Pháp đã câu kết với nhau để cùng bóc lột, thống trị nhân dân Đông Dương. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của Nhật về lương thực, thực phẩm phục vụ chiến tranh, thực dân Pháp đã thi hành chính sách kinh tế chỉ huy, thu mua lương thực với giá rẻ. Chúng còn bắt nhân dân ta nhổ lúa, trồng bông, trồng thầu dầu,... để cung cấp dầu và quân trang cho quân Nhật. Những chính sách đó của Pháp - Nhật đã dẫn tới nạn đói khủng khiếp năm 1945 khiến gần 2 triệu người Việt Nam chết đói.

1.1.2. Quan điểm thực dân của tướng De Gaulle về vấn đề Đông Dương

Đông Dương là một trong những thuộc địa có tầm quan trọng đối với nước Pháp. Vì thế, trong mọi tình huống, chính quyền thực dân Pháp không bao giờ có ý định từ bỏ việc nô dịch vùng đất này.

Đối với tướng De Gaulle - lãnh tụ lực lượng kháng chiến Pháp- Đông Dương luôn là một bộ phận của nước Pháp và ông ta trước sau đều khẳng định sẽ tái lập những quyền lợi của nước Pháp ở thuộc địa này. Theo De Gaulle, “quan điểm của nước Pháp về Đông Dương rất đơn giản. nước Pháp khẳng định thu hồi lại chủ quyền của mình ở Đông Dương” [De Gaulle et, 68].

1.1.3. Tướng De Gaulle ráo riết chuẩn bị tái chiếm Đông Dương

Qua các công trình của người Pháp cho thấy, ngay từ rất sớm De Gaulle đã chuẩn bị sẵn sàng cho việc tái chiếm Đông Dương. Từ năm 1943, De Gaulle dự tính thành lập “Đạo quân viễn chinh Pháp ở viễn Đông”(CEFEO). Lực lượng này chính thức được thành lập vào đầu năm 1945, dưới sự chỉ huy của tướng Blaizot (sau đó là tướng Leclerc). Tổ chức “Ban hành động” tại Calcutta nhằm thu lượm tin tức về tình hình Đông Dương và làm cầu nối giữa người Pháp ở Đông Dương và Paris. Thả dũ các sĩ quan tình báo xuống vùng biên giới phía bắc Việt Nam để liên lạc với lực lượng tại chỗ của Pháp (do tướng Mordant cầm đầu), chuẩn bị phối hợp tấn công quân Nhật. Ngày 16.8.1945, De Gaulle

bổ nhiệm d'Argenlieu làm Cao uỷ và Leclerc làm Tổng chỉ huy quân Pháp tại Viễn Đông với nhiệm vụ là dùng mọi biện pháp để khôi phục chủ quyền của Pháp tại Đông Dương.

1.2. Thực dân Pháp bước đầu tái xâm lược Đông Dương (9.1945 - 12.1946)

1.2.1. Thực dân Pháp gây chiến ở Nam bộ

Ngày 2.9.1945, nước Việt Nam tuyên bố độc lập. Phủ nhận tất cả những gì đang diễn ra tại đây, thực dân Pháp ngoan cố tìm cách tái chiếm Việt Nam và Đông Dương. Ngày 2.9.1945, một số lính Pháp núp trong một nhà thờ, bắn nén vào đoàn người đang mít tinh chào mừng nền Độc lập, khiến cho nhiều người chết và bị thương. Ngày 23.9.1945, quân Pháp đánh chiếm Kho bạc, Sở cảnh sát, Trụ sở Ủy ban hành chính lâm thời Nam bộ,... chính thức mở màn cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam. Được sự trợ giúp của quân Anh và lực lượng tăng viện từ Pháp sang, quân Pháp dần chiếm được Sài Gòn và mở rộng đánh chiếm Nam bộ. Tuy nhiên, quân Pháp đã gặp phải sự kháng cự vô cùng quyết liệt và anh dũng của nhân dân Nam bộ, gây cho chúng nhiều tổn thất.

1.2.2. Âm mưu và hoạt động của Pháp ở miền Bắc. Hiệp định Sơ bộ 6.3.1946.

Ở miền Bắc, quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn. Miền Bắc là khu vực do quân đội Tưởng Giới Thạch làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Đặc biệt, đây là nơi phong trào quần chúng phát triển mạnh, ta đã giành được chính quyền và xây dựng được lực lượng quân sự khá mạnh. Mặc dù tướng De Gaulle chỉ thị phải đánh tan mọi sức kháng cự của đối phương trước khi thương lượng, trước khi đạt được mục đích chính trị, mặc dù coi chính phủ Việt Nam chỉ là một nhóm ngổ ngáo nhất của dân chúng, song trước thực tế, các đại diện Pháp ở miền Bắc buộc phải tiến hành các cuộc thương lượng với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sau khi mở rộng chiếm đóng ra toàn Nam bộ, quân Pháp chuẩn bị tiến ra Bắc. Để có thể tiến quân ra Bắc, ngày 28.2.1946, Pháp đã đạt được một Hiệp ước với chính quyền Tưởng Giới Thạch, cho phép quân Pháp thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp vũ khí quân Nhật. Tuy nhiên, Pháp nhận thấy không thể thực hiện việc thay quân khi chưa có sự đồng ý của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mà không vấp phải cuộc chiến đấu quyết liệt của nhân dân Việt Nam. Vì thế, Bộ chỉ huy Pháp tìm kiếm một thoả thuận từ phía Việt Nam.

Về phía Việt Nam, nhận thức rõ ngay từ đầu, kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam là đế quốc thực dân Pháp đang âm mưu cướp nước ta một lần nữa. Chúng ta đã tạm hoà hoãn với Tưởng để tập trung chống Pháp ở miền Nam. Nhưng Pháp và Tưởng đã cấu kết với nhau (qua hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28.2.1946). Chúng ta có nguy cơ phải cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù. Vì thế, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ, cho phép quân Pháp thay thế quân Tưởng ở miền Bắc.

1.2.3. Pháp ngăn cản và phá hoại việc thi hành Hiệp định Sơ bộ (6.3.1946 - 19.12.1946)

Thông qua các công trình của người Pháp cho thấy, ngay sau khi Hiệp định Sơ bộ được kí kết, phía Pháp đã tìm mọi cách ngăn cản và phá hoại việc thi hành nội dung hiệp định. Họ cho rằng sau khi quân đội của Leclerc tiến vào Hà Nội, công cuộc tái chiếm Đông Dương đã thắng lợi. Giờ đây, nước Pháp sẽ nói chuyện với người Việt Nam bằng xe tăng và máy bay. Do thái độ ngoan cố và phá hoại của phía Pháp, các Hội nghị trù bị Đà Lạt và Hội nghị chính thức ở Fontainebleau đã thất bại.

Cao uỷ d'Argenlieu và các đại diện Pháp ở Đông Dương đẩy mạnh các hành động gây hấn, khiêu khích nhằm “thay đổi dần và biến dần cái màn kịch của một hành vi thuần tuý quân sự thành màn kịch của một cuộc đảo chính”. Mục đích là lật đổ chính phủ Việt Nam

Chương 2. VỀ QUÁ TRÌNH DIỄN BIẾN CỦA CHIẾN TRANH

2.1. Hoạt động quân sự và chính trị của thực dân Pháp trong giai đoạn 1946-1950

2.1.1. Thực dân Pháp lao sâu vào chiến tranh Đông Dương

20 giờ ngày 19.12.1946, tiếng súng tại Hà Nội báo hiệu cuộc chiến tranh lan rộng trên toàn cõi Việt Nam. Ngay từ đầu, âm mưu “đảo chính” nhằm “vô hiệu hoá Chính phủ Hà Nội” của Pháp đã thất bại. Hành động gây chiến của Pháp đã được trả lời bằng cuộc kháng chiến của toàn dân tộc Việt Nam.

Cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam đã khiến quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều ký giả phương Tây có mặt tại Đông Dương lúc đó đều cho rằng, quân Pháp đang đam đầu vào một tổ ong bâu vẽ và sẽ khiến cho quân Pháp kiệt sức. Tình hình của quân Pháp cuối năm 1946 đầu năm 1947 được tướng Leclerc đánh giá khá chính xác trong báo cáo của ông ta, sau khi tiến hành nhiệm vụ thanh tra quân sự tại Đông Dương. Theo Leclerc, “mong muốn giải quyết đồng thời cả ở Trung - Nam - Bắc là một điều ngông cuồng, một điều không thể làm được”. Ông ta cho rằng để có thể

chinh phục được Đông Dương, nước Pháp cần phải gửi ngay cho quân đội viễn chinh 500.000 người. Đó là điều nằm ngoài khả năng của nước Pháp.

2.1.2. Về chiến dịch Việt Bắc năm 1947

Sau khi thất bại trong âm mưu tiêu diệt Chính phủ Việt Nam ở Hà Nội, thực dân Pháp tăng cường các hoạt động quân sự, tiếp tục thực hiện chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Vì thế, cuối năm 1947, Bộ chỉ huy Pháp đã thực hiện cuộc tiến công quy mô lớn đánh lên căn cứ Việt Bắc, mưu đồ bắt gọn Chính phủ kháng chiến và tiêu diệt chủ lực Việt Nam. Cuộc tiến công của Pháp diễn ra từ ngày 7.10.1947 đến ngày 19.12.1947.

Có nhiều đánh giá khác nhau về kết quả của chiến dịch này. Một số người cho rằng quân đội Pháp đã giành được thắng lợi lớn, phá huỷ hệ thống kho tàng và làm tan rã lực lượng chủ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn các tác giả đều khẳng định, đây là một thất bại chiến lược của Pháp. Mặc dù quân Pháp có phá huỷ được một số kho tàng, chiếm được một số đô thị, song “ngay khi mà những lính dù và đại tá Beaufre rút về đồng bằng, Việt Minh đã giành lại quyền trên những địa bàn chủ yếu từ vùng thượng du tới những ngôi làng bị đốt phá, cho dù quân đồn trú Pháp vẫn duy trì vững chắc ở Lạng Sơn và Cao Bằng” [Flery, 274]. Sau chiến dịch Việt Bắc, “Bộ chỉ huy Pháp không còn đủ khả năng tổ chức lại các cuộc tấn công tương tự chống lại phương tiện chính trị - quân sự trung ương của cuộc kháng chiến Việt Nam được nữa” [DD nền td, 446].

2.1.3. Về giải pháp Bảo Đại

Người Pháp cho rằng, chiến dịch “đại quy mô” đánh lên Việt Bắc đồng thời đã kết thúc bước 1 của giải pháp hành động theo cách quân sự để thực hiện được giải pháp chính trị. Tiếp tục những chính sách của d'Argenlieu, giờ đây, nước Pháp (đại diện là Cao ủy Bolaert) đang tìm kiếm một nhân vật xứng tầm để lập một chính phủ bù nhìn ở Việt Nam. Người ta vẫn không nhìn thấy ai khác ngoài Bảo Đại - ông vua cuối cùng của triều Nguyễn.

Tháng 12.1947, Cao uỷ Pháp Bolaert và Bảo Đại đã kí một nghị định thư nêu lên nguyên tắc trong quan hệ Pháp - Việt (ngụy) sau này. Tiếp đó, ngày 8.3.1949, một hiệp định đã được kí kết giữa tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại, trong đó Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam (Ngụy). Sau hiệp định, một Chính phủ bù nhìn do Bảo Đại là Quốc trưởng và Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng được dựng lên. Tuy vậy, giải pháp Bảo Đại thực tế chỉ là giải pháp của người Pháp, Bảo Đại chỉ là con rối trong tay Pháp. Thực dân Pháp cũng không thể dựa vào chính quyền Bảo Đại để bắt lính, tăng cường nguy quân và thực hiện âm mưu biên cuộc chiến tranh xâm lược của họ thành cuộc nội chiến của người Việt Nam.

2.1.4. Về chiến dịch Biên giới 1950

Sự phát triển của lực lượng kháng chiến Việt Nam và thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (10.1949) khiến cho Pháp rất lo lắng. Tháng 5.1950, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp - Tướng Revers - đề ra kế hoạch tăng cường càn quét để mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, phong toả biên giới Việt - Trung.

Nhằm đánh bại kế hoạch Revers, củng cố căn cứ địa Việt Bắc và mở thông đường liên lạc nối liền cuộc kháng chiến Việt Nam với thế giới, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Biên giới. Ngày 16.9.1950, bộ đội Việt Nam tấn công và nhanh chóng tiêu diệt cứ điểm Đông Khê. Chiến thắng này làm rung chuyển toàn bộ hệ thống đồn bót của Pháp trên khu vực đường số 4. Sau khi hai binh đoàn của Sacton và Le Page bị tiêu diệt, quân Pháp đã phải rút khỏi hầu hết các vị trí chiếm đóng ở biên giới Đông bắc.

Kết quả và tác động của chiến dịch Biên giới được người Pháp đánh giá là hết sức nghiêm trọng. Họ cho rằng “Thảm hoạ Cao Bằng, tiếp theo là việc rút chạy khỏi Lạng Sơn tháng 10 năm 1950 đã tạo nên sự sợ hãi và hỗn loạn trong quân đội Pháp” [DD nền td, 454]. “Cao Bằng đối với cuộc chiến tranh Đông Dương cũng như là Baillen trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha và Valmy trong cuộc cách mạng Pháp” [DD nền td, 456]. Thất bại của quân Pháp ở Cao Bằng được coi là “một thất bại trên xứ thuộc địa nặng nề nhất kể từ khi Montcalm chết tại Quebec” [Cuộc chiến dài ngày, 33].

2.2. Những cố gắng không thành công của Pháp trong những năm 1951-1953.

2.2.1. Về những nỗ lực giành lại quyền chủ động trong thời kì nắm quyền của tướng De Lattre (1951 - 1952)

Sau thất bại nặng nề ở Biên giới, Chính phủ Pháp cử tướng De Lattre giữ chức Cao uỷ kiêm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

De Lattre đã kịp thời ngăn chặn được việc rút quân rối loạn ở biên giới Đông bắc, ổn định lại tình hình, tăng cường lực lượng nguy quân, đẩy mạnh hoạt động càn quét trong vùng tạm chiếm. Chúng còn thiết lập hệ thống boongke dày đặc từ Hòn Gai đến Hà Đông để bảo vệ đồng bằng Bắc bộ. Những biện pháp của De Lattre gây cho phía Việt Nam không ít khó khăn. Tuy vậy, trong thời gian này, quân đội Việt Nam liên tiếp tổ chức nhiều cuộc tấn công quân Pháp. Tháng 12.1950, bộ đội Việt Nam tấn công vùng Tiên Yên. Từ tháng 12.1950 đến tháng 6.1951, Việt Nam tổ chức liên tiếp 3 chiến dịch (Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung) đánh vào phòng tuyến trung du và đồng bằng Bắc bộ.

Ngày 9 tháng 11 năm 1951, De Lattre đưa 20 tiểu đoàn đánh chiếm Hòa Bình. Mục tiêu của Pháp nhằm cắt đứt đường liên lạc, tiếp tế, phá sự chuẩn bị tiến công của Việt Nam, thu hút chủ lực của ta ra nơi chúng đã chuẩn bị sẵn để tiêu diệt, giành lại quyền chủ động.

Trước cuộc tiến công với cả quy mô và mưu đồ lớn của quân Pháp, Tổng quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Hòa Bình.

Trận chiến quyết liệt ở Hòa Bình kéo dài ròng rã hơn 4 tháng, từ 9.11.1951 đến 2.3.1952. Cuối cùng, quân Pháp đã phải “tổ chức cuộc rút lui trong sự bí mật tuyệt đối”, và phải chịu những “thiệt hại nghiêm trọng” [Con đường..., 259].

2.2.2. Pháp nỗ lực bình định vùng chiếm đóng và đối phó với các cuộc tiến công của quân đội Việt Nam (1952 - giữa 1953)

Từ năm 1952, Bộ chỉ huy Pháp tập trung phần lớn lực lượng cơ động chiến lược tiến hành hàng trăm cuộc càn quét kết hợp với các thủ đoạn lừa mị chính trị. Mục tiêu của chúng là bình định, lung lạc tinh thần nhân dân vùng bị chiếm đóng. Tuy nhiên, quân Pháp phải đối phó với một lực lượng linh hoạt, đóng ngay trong vùng chúng kiểm soát và ngày càng được trang bị tinh nhuệ, khiến cho ngay tại đồng bằng Bắc bộ, quân Pháp cũng chỉ kiểm soát được vào ban ngày.

Từ năm 1952 đến giữa năm 1953, quân đội Việt Nam đẩy mạnh hoạt động, liên tiếp tiến công quân Pháp trên cả chiến trường Việt Nam và Lào: Chiến dịch Tây Bắc (10 - 12.1952), Chiến dịch Thượng Lào (4.1953). Các cuộc tấn công của quân đội Việt - Lào trên khắp chiến trường khiến cho quân Pháp ngày càng lúng túng, bị động. Thế thua của quân Pháp ngày càng lộ rõ.

2.3. Về trận Điện Biên Phủ

2.3.1. Sự điều chỉnh chiến lược mới của Pháp - Kế hoạch Navarre.

Những thất bại ở Tây Bắc (cuối 1952) và Thượng Lào (đầu 1953) đặt ra trước chính phủ Pháp yêu cầu cải tổ bộ máy chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, hoạch định lại chính sách nhằm đưa cuộc chiến tranh ra khỏi con đường hầm không lối thoát.

Tháng 5.1953, chính phủ R.Mayer quyết định cử tướng Navarre sang thay Salan giữ chức Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Mục tiêu đặt ra cho Navarre là tìm giải pháp rút khỏi Đông Dương trong danh dự.

Sau một tháng sang nắm tình hình tại Đông Dương, đầu tháng 7.1953, Navarre đã trình một bản kế hoạch chính trị - quân sự mới, được gọi là Kế hoạch Navarre. Ông ta đề ra những vấn đề về chính trị, về tổ chức lực lượng, kế hoạch tác chiến,... nhằm đảo ngược tình thế. Bản kế hoạch của Navarre được Hội đồng quốc phòng Pháp tán thành về nguyên tắc (có điều chỉnh một số điểm, chủ yếu là về dự kiến quân tăng viện).

2.3.2. Điện Biên Phủ được chọn làm điểm quyết chiến chiến lược

Từ đầu tháng 11.1953, Bộ chỉ huy Pháp đã nhận thấy có nhiều dấu hiệu ngày càng rõ ràng cho thấy các lực lượng quan trọng của Việt Minh (Sư đoàn 316 và nhiều đơn vị của 1 hay 2 sư đoàn khác) đang tiến về Thượng du, nhằm vào mục tiêu đầu tiên là Lai Châu, sau đó là dựa vào Điện Biên Phủ để tiến vào Bắc Lào. Nói cách khác chiến trường hoạt động chính của quân đội Việt Nam trong Đông - Xuân 1953-1954 sẽ là Tây Bắc và Lào chứ không phải đồng bằng Bắc bộ như Navarre dự kiến trước đó. Sự thay đổi này đã đặt ra cho Navarre những nhiệm vụ mới, đặc biệt là việc bảo vệ nước Lào. Sau khi đã cân nhắc kỹ các phương án khác nhau để ngăn chặn cuộc tiến công của Việt Minh, Navarre và Bộ chỉ huy Pháp đã chọn Điện Biên Phủ.

Ngày 20.11.1953, 3 tiểu đoàn dù nhảy xuống Điện Biên Phủ. Ngày 21 và 22.11, 3 tiểu đoàn dù nữa được đưa lên Điện Biên Phủ cùng 1 tiểu đoàn pháo binh. Ngày 3.12.1953, Navarre ký một bản chỉ thị, khẳng định “quyết định chấp nhận chiến đấu với Việt Minh trên chiến trường Tây Bắc” [Dẫn theo Tướng Navarre với ĐBP, 175].

Ngày 6.12.1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định chọn Điện Biên Phủ làm địa điểm tiến hành cuộc quyết chiến chiến lược với quân Pháp. Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Vậy là, “đầu tháng 12 năm 1953, cả hai phía, tướng Navarre và tướng Giáp, đều chấp nhận cùng giao chiến tại thung lũng lòng chảo, cùng chấp nhận những rủi ro đã tính kỹ” [Tướng **Navarre** với **ĐBP**, 232].

2.3.3. Về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ

Chiều tối ngày 13.3.1954, quân đội Việt Nam nổ súng tấn công vào cụm cứ điểm Béatrice (Him Lam) và Gabrielle (Độc Lập), mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ. 17 giờ 30 ngày 7 tháng 5 năm 1954, thiếu tướng De Castries cùng toàn bộ Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc.

Quân Pháp ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn, bao gồm “khoảng 16.000 người, trong đó có 1500 người chết, 4000 người bị thương. Tính đơn vị, thiệt hại của chúng tôi (quân Pháp) gồm 16 tiểu đoàn (trong đó có 7 tiểu đoàn dù), 2 tiểu đoàn pháo 105 và 1 đại đội 105 và 1 đại đội 155, 1 tiểu đoàn xe tăng và một số đơn vị binh chủng và bảo đảm khác” [Thời điểm **St**, 223]. Những số liệu trên là do phía Pháp đưa ra, thực tế như thế nào vẫn còn cần nghiên cứu để xác định.

2.3.4. Về ý nghĩa, tác động của Điện Biên Phủ

Trận chiến ở Điện Biên Phủ có tiếng vang lớn trên phạm vi toàn thế giới. Tướng Ely, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp cho rằng: “Những người bảo vệ Điện Biên Phủ đã viết một trang sử vẻ vang trong lịch sử quân đội ta... Nhưng sự sụp đổ của Điện Biên Phủ là một thất bại... một thất bại rất nặng nề...” [Dẫn theo **ĐBP hợp tuyển**, 1116].

Theo R.Phăng: “Tháng 5.1954, âm vang về Điện Biên Phủ như một tiếng sấm trên bầu trời Pháp... Điện Biên Phủ là một trong nhiều sự kiện của những năm 50 trong thế kỉ XX đã góp phần vào việc lập nên một thế giới đa cực” [**ĐBP dưới..**, 528]

Các tác giả P.Brocheux và D.Hémery đánh giá: “Điện Biên Phủ...là trận chiến đấu lớn nhất và có tính chất quyết định nhất trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương” [**ĐD nền dân**, 456]

Chương 3

VỀ QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA PHÁP VÀ SỰ KẾT THÚC CHIẾN TRANH

3.1. Quan hệ giữa Pháp và các cường quốc về vấn đề Đông Dương

3.1.1. Quan hệ Pháp – Mỹ

*** Chủ trương của Roosevelt về Đông Dương**

Tổng thống Mỹ Roosevelt cho rằng Pháp là “kẻ thực dân kém cỏi” đã “quản lí quá tồi” Đông Dương, “Pháp đã có đất nước này gần một trăm năm, nhưng nhân dân ở đó vẫn còn ở trong tình trạng tồi tệ hơn so với trước khi người Pháp đến...” [Dẫn theo **P.Q.Minh**, 46]. Roosevelt chủ trương đặt Đông Dương dưới sự quản thác quốc tế, mục đích là dần thay thế ảnh hưởng của Pháp ở khu vực này.

*** Chính sách của Mỹ “từ trung lập đến can thiệp và viện trợ” cho Pháp**

Sau khi lên thay Roosevelt (4.1945), Truman đã có những thay đổi trong quan niệm về vấn đề Đông Dương cũng như về chủ nghĩa thực dân. Mùa hè 1945, Truman đã cam kết chắc chắn với De Gaulle rằng Mỹ không cản trở Pháp khôi phục lại chủ quyền tại Đông Dương [Trần Lý, 30-32].

Ba năm đầu của cuộc chiến Đông Dương, Mỹ giữ thái độ trung lập nhưng ủng hộ Pháp rất rõ ràng. Trước khả năng Pháp thất bại, cùng lúc cách mạng Trung Quốc thắng lợi, đầu năm 1950, Mỹ đã quyết định hỗ trợ Pháp tại Đông Dương. Đây là mốc đánh dấu việc Mỹ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

“Từ “chiến tranh thực dân” trái với đạo lý, họ (Mỹ) đã đưa nó lên hàng chiến tranh chống chủ nghĩa cộng sản. Để giúp chúng tôi (Pháp) thắng trận sau một thời gian dài mong chúng tôi thua trận, họ đã bằng lòng viện trợ cho chúng tôi về tài chính và phương tiện trang bị, tạo điều kiện cho chúng tôi hiện đại hoá một phần quân đội viễn chinh và xây dựng thêm quân đội các Quốc gia liên kết (nguy)” [TĐST, 50].

*** Sự phá sản của chính sách can thiệp Mỹ ở Đông Dương**

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, nước Pháp rút ra khỏi cuộc chiến Đông Dương bằng việc ký Hiệp định Genève. Mỹ đã phản đối mạnh mẽ việc ký hiệp định này, đồng thời tuyên bố không bị ràng buộc

bởi hiệp định. Mỹ đã dần gạt bỏ Pháp để nhảy vào Đông Dương và rồi phải chịu chung một kết cục vào năm 1975.

3.1.2. Quan hệ Pháp – Anh

*** Anh ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương**

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Anh cũng phải đối phó với phong trào đấu tranh đòi độc lập của các thuộc địa. Vì thế, Anh đồng ý chấp nhận việc Pháp trở lại tái chiếm Đông Dương.

Nước Anh từng bước ủng hộ việc khôi phục chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Ngay từ tháng 3.1943, một trung đội hành động của Pháp De Gaulle đã được thành lập tại Ấn Độ nhờ sự giúp đỡ của tướng Anh Mounbatten, Tổng tư lệnh các lực lượng Đồng Minh ở chiến trường Đông Nam Á. Năm 1945, với tư cách là lực lượng được Hội nghị Potsdam trao cho nhiệm vụ tước vũ khí quân Nhật, quân đội Anh đã mang theo quân Pháp vào Nam Việt Nam và sau đó bàn giao chính quyền cho Pháp.

*** Anh chủ trương “giải pháp thương lượng” về vấn đề Đông Dương**

Sau khi giúp đỡ Pháp tái chiếm miền Nam, quân đội Anh rút khỏi Đông Dương, trao lại cho Pháp việc giải giáp quân Nhật (1.1946). Trong quá trình cuộc chiến Đông Dương sau đó, bản thân nước Anh cũng gặp nhiều khó khăn về mọi mặt: khó khăn trong nước, phong trào đấu tranh đòi độc lập của các thuộc địa,... nên Anh không có khả năng giúp đỡ nhiều cho Pháp. Song với tư cách là một cường quốc, Anh vẫn luôn ủng hộ Pháp. Trong hội nghị Genève về Đông Dương, với vai trò đồng Chủ tịch (cùng với Liên Xô), Anh đã có nhiều cố gắng để đi tới giải pháp hoà bình. Đoàn đại biểu Anh đã có nhiều hoạt động nhằm rút bớt những bất đồng giữa hai bên, để đi tới việc ký hiệp định vào ngày 21.7.1954.

3.1.3. Quan hệ Pháp - Trung Quốc

*** Quan hệ giữa Pháp và Trung Hoa Dân quốc về vấn đề Đông Dương**

Theo sự phân chia tại hội nghị Potsdam, quân đội Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch được giao nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật tại Đông Dương ở bắc vĩ tuyến 16. Đó là một trở ngại trên con đường trở lại Đông Dương của Pháp. Vì thế, ngay từ đầu, nước Pháp đã chú ý đến quan hệ với Trung Quốc, đẩy mạnh việc thương lượng để đạt được sự thoả thuận với Trung Quốc cho phép quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Quốc trong việc giải giáp quân đội Nhật.

*** Quan hệ giữa Pháp và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về giải pháp Genève**

Tháng 10 năm 1949 nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời. Ban đầu, theo F. Joyaux, khi Cộng hoà nhân dân Trung Hoa mới thành lập, “Paris cũng như Washington đã có một lập trường tương đối mềm dẻo, đương nhiên là không loại trừ bất kì một sự bình thường hoá nào sau đó” [TQuốc và..., 207]. Theo ông, “chỉ có mỗi một vấn đề có thể hướng chính phủ Pháp đến chỗ công nhận ngoại giao đối với chế độ mới của Trung Quốc, đó chính là vấn đề Đông Dương” [TQuốc và..., 208].

Tuy nhiên, các quan hệ giữa Pháp và Trung Quốc về vấn đề Đông Dương chỉ thực sự mạnh mẽ từ cuối năm 1953, nhất là trong quá trình thương lượng về vấn đề Đông Dương ở Genève năm 1954.

3.2. Hội nghị Genève về việc chấm dứt chiến tranh Đông Dương

3.2.1. Vấn đề Đông Dương trong tính toán của các cường quốc

Sau 7 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, quân Pháp ngày càng lâm vào tình trạng khó khăn. Chính phủ Pháp ngày càng nhận rõ rằng không thể chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Ở Paris, nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị. Nhân dân Pháp ngày càng đấu tranh mạnh mẽ đòi chính quyền chấm dứt ngay “cuộc chiến tranh bẩn thỉu” mà họ đang theo đuổi ở Đông Dương, đòi phải đàm phán ngay với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Chính quyền Pháp cho rằng “sẽ có nhiều cơ hội tốt nhất đi đến một giải pháp thương lượng về vấn đề Đông Dương nếu nó được đem ra bàn bạc trong khuôn khổ một cuộc hội nghị nhiều bên” [Trung Quốc và..., 131-132].

Trung Quốc lo ngại rằng cuộc chiến Đông Dương kéo dài, khiến cho Mỹ sẽ nhảy vào Đông Dương, đe dọa biên giới phía nam của mình. Đó là lý do thúc đẩy Trung Quốc từ giữa năm 1953 hướng về một giải pháp thương lượng để giải quyết vấn đề Đông Dương.

Nước Anh cũng chủ trương thực hiện giải pháp thương lượng nhằm giảm bớt căng thẳng trong quan hệ quốc tế và tránh những tác động tới “Khôì thịnh vượng chung” của Anh ở châu Á.

Liên Xô đến Hội nghị Genève với mong muốn kết thúc nhanh chóng cuộc chiến tranh nóng đang diễn ra trên thế giới sau khi ngọn lửa của chiến tranh Triều Tiên đã được dập tắt. Mục đích của họ cũng là đưa đến những điều kiện thuận lợi để giảm bớt tình trạng căng thẳng giữa các nước và quan hệ quốc tế [P.Asselin, Hđ Geneva và HđPari, 49].

3.2.2. *Nước Pháp và Hội nghị Genève về Đông Dương*

Chính phủ Pháp buộc phải chấp nhận hội nghị Genève, vì “Công luận ở Pháp sẽ không hiểu nếu chúng ta lần tránh cuộc họp. Hơn nữa một số thành viên chính phủ đều muốn họp” [Dẫn theo J. Pouget, 269]. Jean Pouget dẫn lời Bộ trưởng Pleven giải thích về lập trường của đoàn Pháp ở Genève “Trên thực tế, chính Thủ tướng cũng cho rằng hội nghị này chẳng giải quyết được gì cả. Ta phải đi họp thôi, dù chỉ để chứng tỏ rằng Việt Minh vẫn chưa sẵn sàng thương lượng trong những điều kiện hiện nay” [J.Pouget, 269-270].

3.3. *Về nguyên nhân thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương*

3.3.1. *Chính phủ Pháp không có đường lối thống nhất điều hành cuộc chiến*

3.3.2. *Bình lực Pháp không đủ, nhất là không quân và sự thiếu quan tâm của Chính phủ Pháp đến đội quân viễn chinh*

3.3.3. *Quân đội Pháp đã buộc phải chiến đấu trong những điều kiện và theo chiến thuật cũng như chiến lược do phía Việt Nam đặt ra*

3.3.4. *Đánh giá không chính xác và coi thường đối phương*

3.3.5. *Tính chất xâm lược phi nghĩa của cuộc chiến đứng về phía Pháp*

3.4. *Tác động của cuộc chiến tranh Đông Dương đối với nước Pháp*

3.4.1. *Tác động đến tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Pháp sau chiến tranh thế giới thứ hai*

Trong khi nền kinh tế sau chiến tranh bị tàn phá trầm trọng đòi hỏi số vốn lớn để phục hồi, phải nhận viện trợ của Mỹ (theo kế hoạch Marshall), trong khi nhân dân Pháp ra sức lao động để trả nợ, thì chính phủ Pháp lại phung phí tiền của cho một cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Đông Dương. Càng lao sâu vào chiến tranh, nước Pháp càng gặp nhiều khó khăn. Theo P.Quatrepoint, trong những năm đầu chiến tranh (từ 1945-1951), sự gánh vác hàng năm của nước Pháp đối với Đông Dương chiếm tới một phần ba ngân quỹ quốc gia của nước Pháp [**Sự mù quáng**, 128].

Trong 9 năm chiến tranh, nước Pháp đã phải tiêu tốn một nguồn kinh phí khổng lồ, với tổng số tiền lên tới 2385 tỉ phơăng [**DD nền td**, 457].

3.4.2. *Tác động của chiến tranh Đông Dương đến quá trình tan rã hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp*

Cuộc chiến đấu bất khuất của nhân dân Đông Dương đã tác động mạnh mẽ đến quyết tâm và tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước vốn là thuộc địa của Pháp. Nói như P.Brocheux và D.Hémery, thắng lợi của nhân dân Đông Dương “như là một thứ thuốc chữa bệnh tâm thần vĩ đại, tạo nên cho những người dân thuộc địa cái mà họ còn thiếu vào đầu thế kỉ: lòng tin vào chính mình” [**DD nền td**, 461]. Vì thế, ngay sau khi cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc, nước Pháp lại phải đương đầu với một đợt sóng mạnh mẽ nổi lên ở châu Phi.

Năm 1956, Maroc và Tunisie giành được độc lập. Ngày 18.3.1962, chính phủ Pháp phải chấp nhận ký Hiệp định Êviăng công nhận nền độc lập, sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền mọi mặt của Angérie. Thất bại ở Đông Dương (1954) và Algérie (1962) đã đặt dấu chấm hết cho tham vọng đế quốc thực dân của nước Pháp.

KẾT LUẬN

Cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954) là chủ đề được nhiều người Pháp quan tâm. Các giới chính trị, quân sự, các học giả, các nhà nghiên cứu lịch sử Pháp đã có nhiều công trình, bài viết đề cập đến cuộc chiến tranh này. Qua các công trình nghiên cứu ấy, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

1. Đông Dương là một trong những xứ thuộc địa quan trọng bậc nhất của nước Pháp. Vì thế, ngay khi nước Pháp còn nằm dưới ách thống trị của phát xít Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai, Chính quyền thân Đức của Pétain và lực lượng kháng chiến lưu vong của De Gaulle đều rất quan tâm đến vùng đất này.

Cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954) là cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa của thực dân Pháp, xuất phát từ “tính toán sai lầm”, từ quan điểm thực dân bảo thủ của chính quyền Pháp, đứng đầu

là tướng De Gaulle. Với họ, nước Pháp luôn là người mạnh nhất, nhân dân Đông Dương chỉ là những kẻ nhà quê hèn nhất còn Chính phủ Việt Nam chỉ là một nhóm ngổ ngáo nhất của dân chúng. Tướng De Gaulle và chính quyền Pháp trước sau đều khẳng định quyết tâm tái lập quyền thống trị của nước Pháp ở Đông Dương. Mặc dù đã rút khỏi chính phủ từ tháng 1.1946, những ý kiến và những chỉ dẫn về quan điểm dẫn dắt vấn đề Đông Dương của De Gaulle vẫn là kim chỉ nam cho hành động ngoan cố của các chính quyền Pháp sau đó.

2. Cuộc chiến tranh Đông Dương bắt đầu từ ngày 23.9.1945 tại Sài Gòn và sau đó lan rộng ra toàn nước Việt Nam vào 19.12.1946. Nhiều người Pháp do không hiểu biết về tình hình Đông Dương, lại chỉ dựa vào những báo cáo xuyên tạc của các quan chức Pháp ở Đông Dương, cho rằng cuộc chiến này xuất phát từ các cuộc tấn công của phía Việt Nam. Tuy nhiên, bằng sự lùi lại của thời gian, với những tư liệu lịch sử mật được công bố, nhiều học giả Pháp đã khẳng định dứt khoát rằng giới chính trị và quân sự cao cấp của Pháp là những người đã gây ra cuộc chiến tranh này.

Chiến tranh Đông Dương (1945-1954) là cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương chống lại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, nhưng sau đó, trong bối cảnh trật tự hai cực, nó ngày càng mang tính chất của một cuộc xung đột quốc tế. Cuộc chiến ở Đông Dương không chỉ là cuộc chiến của riêng nước Pháp, mà đã trở thành cuộc chiến của “thế giới tự do” chống lại ảnh hưởng của “chủ nghĩa cộng sản”. Chiến tranh Đông Dương, cùng với chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) là những “mặt trận nóng trong chiến tranh lạnh”, một bộ phận của cuộc xung đột toàn cầu.

3. Thông qua các công trình của người Pháp có thể thấy được những khó khăn của quân đội Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Đồng thời qua đó cũng thấy được sự phát triển, lớn mạnh không ngừng của quân đội nhân dân Việt Nam cả về sức mạnh tinh thần lẫn khả năng chỉ đạo tác chiến. Quân đội Pháp ngày càng sa lầy, thất bại nặng nề. Cuối cùng, chính phủ Pháp đã phải chấp nhận giải pháp Genève công nhận nền độc lập của Việt Nam, Lào, Campuchia và rút hoàn toàn quân đội khỏi Đông Dương vào năm 1956, đánh dấu chấm dứt hoàn toàn 97 năm hiện diện quân sự của Pháp ở Đông Dương. Thất bại này đã khiến cho nhiều người Pháp nhận thức được rằng không một thế lực nào có thể đánh bại tinh thần chiến đấu của nhân dân Việt Nam (và Đông Dương). Vì thế, trong những năm 60 của thế kỉ XX, khi đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Việt Nam, tướng De Gaulle cho rằng người Mỹ sẽ không thể giành được thắng lợi. 21 năm sau khi cuộc chiến tranh Đông Dương bùng nổ, De Gaulle phải thẳng thắn thừa nhận sai lầm của mình là đã đưa nước Pháp và các dân tộc Đông Dương vào một cuộc chiến tranh đau đớn. Trong bức thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 8.2.1966, De Gaulle viết: “... có thể khẳng định rằng nếu có một sự hiểu biết tốt lẫn nhau giữa Việt Nam và Pháp sau chiến tranh thế giới lần thứ hai thì đã có thể tránh được những diễn biến đau thương đã tàn phá nước Ngải” [Sự mù quáng, 178]. Trong bài diễn văn đọc tại Phnom Penh ngày 1.9.1966, De Gaulle khẳng định ông không tin ở chiến thắng quân sự của người Mỹ ở Đông Dương. Ông ta tuyên bố rằng nước Pháp lên án những gì đang diễn ra, khuyên Mỹ nên theo gương Pháp chấm dứt cuộc phiêu lưu quân sự ở Đông Dương. De Gaulle khẳng định: “Nước Pháp coi những trận đánh đang tàn phá xứ Đông Dương này, không đem lại cho nước Pháp một lối thoát nào. Không thể có hy vọng nào nói lên là các dân tộc của châu Á, chịu đặt mình dưới pháp luật của ngoại bang đến từ bên kia Thái Bình Dương, mặc cho bất cứ ý đồ nào của họ” [Sự mù quáng, 179].

Những lời phát biểu của tướng De Gaulle sau hai thập kỉ, đã phản nào nói lên những suy ngẫm, đánh giá và nhận xét của người Pháp về cuộc chiến tranh mà nước Pháp đã tiến hành ở Đông Dương từ năm 1945 đến năm 1954. Đó cũng là bài học lớn mà người Pháp rút ra trong cuộc chiến này.